TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08/2019/KDTM-ST.

Ngày: 18/11/2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký phiên toà: Bà Chu Minh Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 và 18/11/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 03/2017/TLST- KDTM ngày 07/02/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- KDTM ngày 26/03/2019, các Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV VAMC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 22 Hàng Vôi, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên VAMC.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Tổng giám đốc VAMC.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Minh T – Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V– Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám (Có mặt)

Địa chỉ: Khu trung tâm Điều hành – Khu công nghiệp Đ – huyện Việt Yên – tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn*: Công ty TNHH Một thành viên G.(Xin xét xử vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Hiếu T – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 149, đường T, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1958

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957

3. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1991

4. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980

Đều địa chỉ: Số nhà 89, đường N, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Trần Văn A, sinh năm 1958

6. Bà Ninh Thị C, sinh năm 1960

7. Anh Trần Văn Tsinh năm 1991

8. Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1988

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

9. Chị Phạm Thị Quỳnh H, sinh năm 1988

10. Chị Phạm Thanh H, sinh năm 2000

Đều địa chỉ: Số nhà 24, ngách 30, ngõ 261, đường L, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

11. Ông Đào Hữu T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn S, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

(Ông S, bà T, anh K, anh T, ông A, bà C, anh T, chị T vắng mặt, chị H, chị H, ông T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2016 của Công ty TNHH MTV VAMC và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang (viết tắt Ngân hàng) có cho công ty TNHH MTV G(viết tắt Công ty G) vay tiền theo Hợp đồng tín dụng (viết tắt HĐTD) số 102712449/HĐTD với hạn mức tín dụng là: 1.900.000.000 đồng.

- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng (viết tắt HMTD) là 12 tháng kể từ ngày 10/12/2010.

- Mục đích vay vốn: Kinh doanh vật liêu xây dựng, vật tư nông nghiệp…

- Phương pháp đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản, được đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp số: 54L-10/HĐTC ngày 08/12/2010.

+ Hợp đồng thế chấp số: 55L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 56L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 57L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.

Hạn mức tín dụng trên hết hạn vào ngày 10/12/2011 và đến ngày 28/11/2011 Công ty Gđã làm hồ sơ xin gia hạn Hạn mức tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cho Công ty được gia hạn Hạn mức tín dụng trên với thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 10/12/2011.

Đến ngày 01 tháng 4 năm 2012, do Công ty có nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh nên Công ty đã làm hồ sơ vay vốn gửi ngân hàng với số tiền xin vay là 3.650.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*)

Ngày 04/4/2012 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 122712030/HĐTD với Công ty G với hạn mức tín dụng là: 3.650.000.000 đồng.

- Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng, kể từ ngày 04/4/2012.
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh vật liêu xây dựng, vật tư nông nghiệp…
- Phương pháp đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản, được đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp số: 54L-10/HĐTC ngày 08/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 55L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 56L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 57L-10/HĐTC ngày 09/12/2010.
+ Hợp đồng thế chấp số: 04L-12/HĐTC ngày 16/02/2012.
+ Hợp đồng thế chấp số: 05L-12/HĐTC ngày 16/02/2012.
+ Hợp đồng thế chấp số: 06L-12/HĐTC ngày 16/02/2012.

Toàn bộ dư nợ tại hợp đồng tín dụng số 102712449/HĐTD ngày 10/12/2010 được chuyển sang và tiếp tục theo dõi tại hợp đồng tín dụng số: 122712030/HĐTD/2502-LAV-201200387 ngày 04/4/2012 cho đến khi Công ty trả hết nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh liên quan đến khoản vay, bao gồm các giấy nhận nợ sau:

STT	Số khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Dư nợ (ĐVT: VNĐ
1	102712449.08	19/12/2011	15/6/2012	500.000.000
2	102712449.09	21/12/2011	20/6/2012	300.000.000
3	102712449.10	21/12/2011	20/6/2012	200.000.000
4	102712449.11	24/12/2011	20/6/2012	900.000.000
Tổng cộng				**1.900.000.000**

Do nhu cầu về vốn thay đổi nên ngày 23/03/2013 Công ty làm đơn xin vay giảm xuống còn 3.250.000.000 đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

Ngày 23/03/2013, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 122712030/HĐTD với Công ty TNHH G với hạn mức tín dụng là: 3.250.000.000 đồng.

-Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 03/4/2013.

- Mục đích vay vốn: Kinh doanh vật liêu xây dựng, vật tư nông nghiệp…

- Phương pháp đảm bảo tiền vay: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản, được đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 gồm: Đất ở có diện tích 40 m2, nhà ở cấp 4 có diện tích 40 m2 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số 89, đường N, phường T

, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 740248, số vào sổ cấp giấy H 02064/QĐ số 255/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mang tên ông Nguyễn Xuân S và bà Vũ Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất ở có diện tích 34,59 m2, nhà ở có diện tích 69 m2 tại thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ tại cụm H, phường H, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 013247, số vào sổ cấp giấy 01440 QSDĐ/số 736/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003 mang tên bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 được chỉnh lý tại trang 4 thừa kế cho chị Phạm Thị Quỳnh H và chị Phạm Thanh H ngày 28/02/2012.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

Toàn bộ dư nợ tại hợp đồng tín dụng số 122712030/HĐTD/2502-LAV201001789 ngày 04/4/2012 được chuyển sang và tiếp tục theo dõi tại hợp đồng tín dụng số: 2502-LAV-201200387 ngày 23/03/2013 cho đến khi công ty trả hết nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh liên quan đến khoản vay, bao gồm các giấy nhận nợ sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Số khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Dư nợ
1	122712030.07	05/10/2012	04/4/2013	350.000.000
2	122712030.08	11/10/2012	10/4/2013	200.000.000
3	122712030.09	15/10/2012	15/4/2013	550.000.000
4	122712030.10	15/11/2012	15/5/2013	950.000.000
5	122712030.11	20/11/2012	20/5/2013	500.000.000
6	122712030.12	15/3/2013	25/9/2013	350.000.000
7	122712030.13	21/3/2013	20/9/2013	350.000.000
Tổng cộng				**3.250.000.000**

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Gtheo các khế ước nhận nợ.

Đến ngày 10/10/2016, Công ty Gcòn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 2.011.978.150 đồng trong đó nợ gốc là 1.492.800.000 đồng và nợ lãi là 529.178.150 đồng.

Trong quá trình làm việc, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tài sản bảo đảm là gia đình chị H và gia đình bà T đã trả được số tiền gốc và lãi của khoản vay theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 và HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 với tổng số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi sau khi được giảm lãi là 24.970.758 đồng.

Ngân hàng đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi 24.970.758 đồng và rút yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 và HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010.

Đến nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty Gphải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc tính đến thời điểm ngày 15/11/2019 là 1.073.550.000 đồng, số tiền lãi là 943.479.875 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.017.029.875 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

- *Bị đơn Công ty TNHH một thành viên G do bàHà Thị Hiếu T– Giám đốc đại diện trình bầy*: Ngày 23/3/2013, Công ty TNHH Một thành viên G có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Đ theo HĐTD số 2502LAV201200387 với số tiền vay là 3.250.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 03/4/2013 đến 03/4/2014. Mục đích vay vốn để kinh doanh vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp. Lãi suất cho vay như trong Điều 4 HĐTD. Sau khi ký HĐTD thì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay vốn. Đến nay, Công ty chưa trả được nợ gốc và lãi như Ngân hàng đã khởi kiện là đúng. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho Công ty thêm thời gian để thu xếp trả nợ dần và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi cho Công ty.

Trường hợp Công ty không trả được nợ thì đối với các tài sản bảo đảm của bên thứ 3 thực hiện theo các HĐTC gồm: HĐTC số 54L-10 ngày 08/12/2010; HĐTC số 55-10/HĐTC ngày 09/12/2010; HĐTC số 56L-10/HĐTC ngày 09/12/2012; HĐTC số 04L-12/HĐTC ngày 16/3/2012; HĐTC số 05L – 10/HĐTC ngày 16/3/2012; HDDTC số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật đối với các tài sản bảo đảm này.Vì lý do công việc bận nên bà Trung xin được vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1.Chị Phạm Thị Quỳnh H trình bầy:

Trước đây chị là kế toán của Công ty G. Ngày 16/3/2012, chị và em gái là Phạm Thanh H có ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 số 06L-12/HĐTC để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Gvới ngân hàng nông nghiệp –Chi nhánh khu công nghiệp Đ. Tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 305, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 34,59m2, GCNQSDĐ số X 013247, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1440 QSDĐ/ số 736/QĐ-CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003. Chị xác nhận chữ ký, chữ viết của chị và bố chị là người giám hộ của em gái chị trong hợp đồng thế chấp là đúng. Bản thân chị biết đến khoản vay của công ty vì khi đó chị làm kế toán công ty. Tài sản thế chấp của gia đình chị được đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 của công ty G. Từ khi ngân hàng khởi kiện đến nay, chị đã trả nợ thay cho công ty 70.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 280.000.000 đồng. Nay do điều kiện khó khăn, chị đề nghị công ty cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và miễn lãi cho gia đình chị. Ngày 31/12/2018, gia đình chị đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn lại theo HĐTC mà gia đình chị đã ký. Nay Ngân hàng rút yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm của gia đình chị, chị hoàn toàn nhất trí. Vì lý do công việc bận, chị xin được xét xử vắng mặt.

2.Chị Phạm Thanh H trình bầy:

Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị gái là Phạm Thị Quỳnh H. Nay Ngân hàng rút yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm của gia đình chị, chị hoàn toàn nhất trí. Vì lý do công việc bận, chị xin được xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân S trình bầy:

Gia đình ông và Công ty Gkhông có mối quan hệ gì cả, việc công ty vay tiền của Ngân hàng như thế nào ông không nắm được. Chỉ biết năm 2010 khi công ty vay Ngân hàng thì vợ ông có nhờ bà T vay hộ 150.000.000 đồng và gia đình ông đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, HĐTC số 55L-10/HĐTC ngày 09/12/2010, thời hạn nhờ vay hộ từ 6 tháng đến 01 năm. Đến năm 2012, vợ chồng ông đã trả cho bà T số tiền trên và còn đưa cho bà T 120.000.000 đồng để lấy sổ đỏ về cho gia đình ông. Tuy nhiên bà T đã không trả Ngân hàng và sổ đỏ của gia đình ông thì Ngân hàng vẫn giữ. Ông xác định chữ ký chữ viết trong hợp đồng thế chấp là đúng chữ ký của ông bà và chữ viết của hai người con trai của ông bà thì không đúng vì thời điểm đó anh T con ông đang đi chấp hành án không có mặt tại địa phương còn anh K con ông thì bị bệnh và thường xuyên bỏ nhà đi. Nay, Ngân hàng rút yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm của gia đình ông thì ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

4. Bà Vũ Thị Ttrình bầy:

Bà và chịHà Thị Hiếu Tcó quan hệ quen biết nhau từ lâu. Năm 2010, khi Công ty Gvay tiền Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Khu công

nghiệp Đ thì bà có nhờ chị T vay hộ gia đình bà 150.000.000 đồng. Gia đình bà đã ký HĐTC số 55L-10/HĐTC ngày 09/12/2010 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty G. Đến năm 2012, gia đình bà đã trả chị T số tiền trên nhưng chị T không trả Ngân hàng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà thì Ngân hàng vẫn giữ. Nay bà đề nghị chị T cùng gia đình bà kết hợp cùng Ngân hàng để Ngân hàng trả lại cho gia đình bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02064/QĐ số 355/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mà gia đình bà đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của công ty G. Đến nay, Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm của gia đình bà thì bà hoàn toàn nhất trí.

5. Anh Nguyễn Xuân T trình bầy:

Anh là con trai cả của ông S, bà T. Thời điểm ông S, bà T ký hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng thì anh không được biết, do anh đi chấp hành án ở trại giam Tân Lập từ ngày 22/4/2011. Đến năm 2013 khi anh đi cải tạo về thì bố mẹ anh có nói với anh về hợp đồng thế chấp này, tuy nhiên chữ ký, chữ viết trong hợp đồng không phải của anh. Đối với hợp đồng thế chấp số 55L-10/HĐTC ngày 09/12/2010 anh không biết và cũng không ký vào hợp đồng. Nguồn gốc số nhà 89 trước đây là nhà tập thể của xưởng in, anh đã ở đó từ bé, việc bố mẹ anh làm GCNQSDĐ như thế nào thì anh không nắm được. Nay đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Anh Nguyễn Trung K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không trình bầy lời khai của anh.

7. Ông Trần Văn A trình bầy:

Gia đình ông không có mối quan hệ nào với Công ty Gvà bà T. Việc công ty vay tiền Ngân hàng nông nghiệp Đình Trám như thế nào ông hoàn toàn không biết. Ông chỉ biết năm 2012, khi đó ông đang bị bệnh, gia đình rất cần tiền để chữa bệnh cho ông. Do vậy, ông và gia đình có ý định vay Ngân hàng nông nghiệp. Do có người quen ở đó nên phía Ngân hàng đã hướng dẫn gia đình ông ký kết hợp đồng thế chấp bằng tài sản với bên thứ 3 (hợp đồng 04L-12/HĐTC ngày 16/3/2012). Tuy nhiên khi ký kết hợp đồng thế chấp xong thì cả Ngân hàng và Công ty Gđều không có ý kiến gì với gia đình ông, gia đình ông không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ phía Ngân hàng. Hiện tại bìa đỏ của gia đình ông thì Ngân hàng vẫn giữ. Ông xác định chữ ký của vợ chồng ông trong HĐTC là đúng vì khi đó gia đình ông cần vay tiền, tự bản thân ông không thể vay tiền nên phải thông qua công ty G. Tuy nhiên sau 03 tháng gia đình ông có hỏi thì Ngân hàng nói đã giải ngân cho Công ty Gvay tiền rồi. Gia đình ông yêu cầu Ngân hàng trả bìa đỏ thì Ngân hàng không đồng ý. Nay Ngân hàng khởi kiện gia đình ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thay công ty. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xác định các con ông không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản của gia đình ông đã thế chấp. Tại thời điểm thế chấp cũng như hiện tại thì chỉ có con ông là Trần Văn T và Trần Thị Huyền T có tên trong sổ hộ khẩu và vẫn sinh sống cùng gia đình ông.

Việc gia đình ông ký các văn bản, giấy tờ liên quan đến HĐTC là do ông Đào Hữu T, giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám hướng dẫn làm thủ tục nhưng thủ tục như thế nào thì ông không rõ vì tin tưởng ông T (do ông T có mối quan hệ họ hàng với vợ ông).

8. Bà Ninh Thị C trình bầy:

Bà nhất trí với lời trình bày của ông An. Bà xác định vợ chồng bà có ký hợp đồng thế chấp số 04L-12/HĐTC ngày 16/3/2012 với Ngân hàng nông nghiệp – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ do gia đình bà cần tiền để chữa bệnh cho ông A. Phía Ngân hàng có hướng dẫn vay qua Công ty thì mới vay được nhiều tiền. Tuy nhiên sau đó gia đình bà không nhận được khoản tiền nào. Gia đình bà lên hỏi thì Ngân hàng nói đã giải ngân cho Công ty Gvay. Khi đó gia đình bà yêu cầu phía Ngân hàng trả lại bìa đỏ cho gia đình trong vòng 6 tháng, gia đình không cần vay tiền nữa và phía Ngân hàng cũng đã đồng ý như vậy. Tuy nhiên, từ đó cho tới nay thì Ngân hàng vẫn giữ bìa đỏ của gia đình bà. Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty G, gia đình bà không có khả năng trả nợ thay cho Công ty G, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

9.Chị Trần Thị Huyền T trình bầy:

Chị là con gái ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C. Hiện nay chị vẫn đang ở cùng bố mẹ chị tại chợ Mía, Tân Mỹ. Việc công ty TNHH Gvay tiền Ngân hàng Đ và việc bố mẹ chị dùng tài sản là nhà và đất nơi đang ở để thế chấp cho Công ty Gvay vốn tại Ngân hàng như thế nào thì chị không nắm được vì chị không được bố mẹ trao đổi hay nói lại dù chị sống cùng nhà. Chị xác định có công sức đóng góp xây dựng nhà mà bố mẹ chị đã thế chấp cho Ngân hàng. Tuy nhiên, cụ thể về công sức đóng góp cũng như tài liệu thể hiện công sức đóng góp của chị, chị sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

10.Anh Trần Văn Tlà con trai ông A đã được Tòa án triệu tập nhưng không lên Tòa làm việc và không có lời khai.

11.Ông Đào Hữu T trình bầy: Tại thời điểm năm 2012, khi Công ty Gvay tiền Ngân hàng thì ông đang làm giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ. Việc ông A, bà C ký Hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Gtại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ như thế nào không phải do ông hướng dẫn. Việc thế chấp của Công ty Gđảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật. Vì lý do công việc bận, ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể rút yêu cầu về việc yêu cầu Công ty Gphải trả Công ty VAMC số tiền gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi là 24.970.758 đồng.

Rút yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 và HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010.

Nay, Công ty VAMC yêu cầu Công ty Gphải thanh toán trả Công ty VAMC số tiền gốc tính đến thời điểm ngày 15/11/2019 là 1.073.550.000 đồng đồng, số tiền lãi trong hạn là 943.479.875 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.017.029.875 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục HĐTD đã ký.

Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Công ty VAMC đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

Về chi phí thẩm định tài sản: Công ty VAMC yêu cầu Công ty Gcó trách nhiệm thanh toán trả Công ty VAMC số tiền đã tạm ứng chi phí thẩm định là 7.000.000 đồng.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được công bố lời khai. Đại diện nguyên đơn không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng còn bị đơn và người liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 147, 165; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 342, 343, 467, 471,474, 715, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005; Điều 130 Luật đất đai 2003; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH một thành viên G do bàHà Thị Hiếu Tgiám đốc đại diện phải thanh toán cho Công ty VAMC tổng số tiền gốc là 1.073.550.000 đồng, lãi là 943.479.875 đồng tạm tính đến ngày 15/11/2019 và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 15/11/2019 là 2.017.029.875 đồng, Công ty VAMC đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty VAMC về việc yêu cầu Công ty Gtrả Công ty VAMC số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi là 24.970.758 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty VAMC về việc xử lý tài sản thế chấp gồm:

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 gồm: Đất ở có diện tích 40 m2, nhà ở cấp 4 có diện tích 40 m2 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số 89, đường N, phường T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 740248, số vào sổ cấp giấy H 02064/QĐ số 255/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mang tên ông Nguyễn Xuân S và bà Vũ Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất ở có diện tích 34,59 m2, nhà ở có diện tích 69 m2 tại thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ tại cụm H, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 013247, số vào sổ cấp giấy 01440 QSDĐ/số 736/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003 mang tên bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 được chỉnh lý tại trang 4 thừa kế cho chị Phạm Thị Quỳnh H và chị Phạm Thanh H ngày 28/02/2012.

- Về chi phí thẩm định: Buộc Công ty Gphải thanh toán trả Công ty VAMC 7.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

- Về án phí: Công ty Gphải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Công ty VAMC ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ với Công ty TNHH Một thành viên G theo HĐTD số 2502-LAV-201200387 ngày 23/3/2013. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Gđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Công ty VAMC có đơn khởi kiện

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Điều 33; Điều 35 BLTTDS 2004.

Do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 BLTTDS 2015.

[2]Về nội dung tranh chấp và các yêu cầu của đương sự:

[2.1]Đối với yêu cầu của Công ty VAMC ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ: Theo đơn khởi kiện ban đầu và các lời khai tại Tòa án, Công ty VAMC yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên G phải thanh toán trả Công ty VAMC toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/10/2016 là 2.011.978.150 đồng và lãi phát sinh theo HĐTD đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tuy nhiên trước ngày mở phiên tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu về việc yêu cầu Công ty Gtrả Công ty VAMC số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi là 24.970.758 đồng.

Rút yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 gồm: Đất ở có diện tích 40 m2, nhà ở cấp 4 có diện tích 40 m2 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số 89, đường N, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 740248, số vào sổ cấp giấy H 02064/QĐ số 255/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mang tên ông Nguyễn Xuân S và bà Vũ Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất ở có diện tích 34,59 m2, nhà ở có diện tích 69 m2 tại thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ tại cụm H, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 013247, số vào sổ cấp giấy 01440 QSDĐ/số 736/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003 mang tên bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 được chỉnh lý tại trang 4 thừa kế cho chị Phạm Thị Quỳnh H và chị Phạm Thanh H ngày 28/02/2012.

Đến nay, Công ty VAMC yêu cầu Công ty Gthanh toán trả Công ty VAMC số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục HĐTD đã ký còn lại tính đến thời điểm ngày 15/11/2019 là 1.073.550.000 đồng và số tiền lãi 943.479.875 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 trên số dư nợ gốc 1.073.550.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và các phụ lục HĐTD đã ký.

Xét thấy các bên ký kết HĐTD là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội. Công ty Gcũng đã thừa nhận có việc vay như Công ty VAMC khởi kiện, tuy nhiên vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa thu xếp trả nợ được. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định Công ty Gcòn nợ Công ty VAMC số tiền gốc và lãi như công ty VAMC trình bầy là đúng. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền Công ty VAMC đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 419.250.000

đồng và số tiền lãi là 24.970.758 đồng và rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm theo hai HĐTC là HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 và HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010. Việc Công ty VAMC rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015 để đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty VAMC đối với số tiền gốc 419.250.000đồng và số tiền lãi 24.970.758 đồng; Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 gồm: Đất ở có diện tích 40 m2, nhà ở cấp 4 có diện tích 40 m2 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số 89, đường N, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 740248, số vào sổ cấp giấy H 02064/QĐ số 255/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mang tên ông Nguyễn Xuân S và bà Vũ Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất ở có diện tích 34,59 m2, nhà ở có diện tích 69 m2 tại thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ tại cụm H, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 013247, số vào sổ cấp giấy 01440 QSDĐ/số 736/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003 mang tên bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 được chỉnh lý tại trang 4 thừa kế cho chị Phạm Thị Quỳnh H và chị Phạm Thanh H ngày 28/02/2012.

Đối với yêu cầu Công ty Gthanh toán trả Công ty VAMC số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục HĐTD đã ký còn lại tính đến thời điểm ngày 15/11/2019 là 1.073.550.000 đồng và số tiền lãi 943.429.875 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 trên số dư nợ gốc 1.073.550.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục HĐTD đã ký tạm tính đến ngày 15/11/2019 là 2.017.029.875 đồng, Công ty VAMC đề nghị được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

Xét yêu cầu này của Công ty VAMC, HĐXX xét thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 16/3/2012 ông A, bà C có dùng tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình gồm đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 để thế chấp cho Ngân hàng theo HĐTC số 04L-12/HĐTC. Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù ông A, bà C đều trình bầy việc ông bà ký HĐTC là để vay tiền Ngân hàng chữa bệnh chứ không ký HĐTC để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Gnhưng ông bà không đưa ra được các tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bầy của ông bà là có căn cứ. Bản thân ông A, bà C đều thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong HĐTC là đúng. Việc ký kết hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Do vậy, HDTC số 04L-12/HĐTC ngày 16/3/2012 là có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được toàn bộ số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục HĐTD đã ký thì Công ty VAMC có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

[2.3] Việc chị T, con gái ông A bà C xác định có công sức đóng góp vào khối tài sản là nhà ở diện tích 100m2 nhưng chị không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh chị có công sức đóng góp, không xác định được chị có công sức đóng góp bao nhiêu nên HĐXX không có căn cứ để giải quyết yêu cầu của chị trong vụ án này.

[2.4] Trong vụ án này, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Tđã thanh toán trả Ngân hàng thay Công ty Gsố tiền gốc là 129.250.000 đồng, số tiền lãi là 4.012.313 đồng, chị Phạm Thị Quỳnh H đã thanh toán trả Ngân hàng thay Công ty Gsố tiền gốc là 290.000.000 đồng và số tiền lãi là 20.958.445 đồng. Trường hợp, bà T chị H có yêu cầu Công ty Gphải thanh toán trả bà và chị số tiền gốc và lãi như trên thì bà T và chị H có quyền khởi kiện Công ty Gbằng một vụ án khác.

[3]Về chi phí thẩm định tài sản, về án phí:

- Về chi phí thẩm định: Đối với số tiền chi phí thẩm định 7.000.000 đồng Ngân hàng đã nộp. Xét yêu cầu thẩm định là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc Công ty Gthanh toán trả Công ty VAMC số tiền chi phí thẩm định đã nộp là 7.000.000 đồng.

-Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Công ty Gphải chịu 72.340.000 đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm.

Công ty VAMC do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ đại diện theo ủy quyền không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả Công ty VAMC số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 33; Điều 35 BLTTDS 2004; Các Điều 147; Điều 165; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS 2015.

- Các Điều 290; 317; 324; 342; 355; 471; 476; 715; 720 và 721 BLDS 2005.
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 130 Luật đất đai 2003
- Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.
- Điều 18; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VAMC. Buộc Công ty TNHH một thành viên G do bàHà Thị Hiếu T- Giám đốc đại diện phải thanh toán trả cho Công ty VAMC tổng số tiền gốc là 1.073.550.000 đồng, lãi là 943.429.875 đồng tạm tính đến ngày 15/11/2019 và lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 2502-LAV-201200387 ngày 23/03/2013 và các phụ lục HĐTD số 01/2502-LAV-201200387 ngày 30/5/2013; phụ lục số 02/2502-LAV-201200387 ngày 30/8/2013; phụ lục số 03/2502-LAV-201200387 ngày 05/8/2013 và phụ lục HĐTD bổ sung về việc thỏa thuận điều chỉnh lãi suất nợ quá hạn ngày 22/10/2014 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

-Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán được đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng dụng số 2502-LAV-201200387 ngày 23/03/2013 và các phụ lục HĐTD số 01/2502-LAV-201200387 ngày 30/5/2013; phụ lục số 02/2502-LAV-201200387 ngày 30/8/2013; phụ lục số 03/2502-LAV-201200387 ngày 05/8/2013 và phụ lục HĐTD bổ sung về việc thỏa thuận điều chỉnh lãi suất nợ quá hạn ngày 22/10/2014 đã ký tạm tính đến ngày 15/11/2019 là 2.017.029.875 đồng thì Công ty VAMC được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 04L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất có diện tích 212,3 m2, nhà ở có diện tích 100 m2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 137312, số vào sổ cấp giấy CH 00071/39/ do UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 01/3/2010 mang tên ông Trần Văn A và bà Ninh Thị C.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty VAMC về việc yêu cầu Công ty Gtrả Công ty VAMC số tiền gốc là 419.250.000 đồng và số tiền lãi là 24.970.758 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty VAMC về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm:

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 55L – 10/HĐTC ngày 09/12/2010 gồm: Đất ở có diện tích 40 m2, nhà ở cấp 4 có diện tích 40 m2 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số 89, đường N, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 740248, số vào sổ cấp giấy H 02064/QĐ số 255/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 13/4/2005 mang tên ông Nguyễn Xuân S và bà Vũ Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC tài sản số 06L – 12/HĐTC ngày 16/3/2012 gồm: Đất ở có diện tích 34,59 m2, nhà ở có diện tích 69 m2 tại thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ tại cụm H, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 013247, số vào sổ cấp giấy 01440 QSDĐ/số 736/QĐ- CT do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 19/9/2003 mang tên bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 được chỉnh lý tại trang 4 thừa kế cho chị Phạm Thị Quỳnh H và chị Phạm Thanh H ngày 28/02/2012.

4.Về chi phí thẩm định: Buộc Công ty TNHH Một thành viên G phải thanh toán trả số tiền chi phí thẩm định 7.000.000 đồng cho Công ty VAMC do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ là đại diện theo ủy quyền.

5.Về án phí:

-Công ty TNHH Một thành viên G phải chịu 72.340.000 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

-Hoàn trả Công ty VAMC do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ đại diện theo ủy quyền số tiền tạm ứng án phí 36.114.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/04406 ngày 07/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Việt Yên(2 b);
-Chi cục THADS H. Việt Yên;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký
Lương Thị Thanh Quyên